

Cao Bằng, ngày 21 tháng 10 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 27

Môn: Phần A,I,II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Ngày thi: 12/10/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bế Thị Cúc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	35	Lợi Luân Long	7,00	Bảy
2	Hà Việt Chung	7,00	Bảy	36	Nông Thị Mây	7,50	Bảy phẩy năm
3	Hoàng Thị Diễm	7,25	Bảy phẩy hai năm	37	Đoàn Thị Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nông Thị Diệp	7,00	Bảy	38	Bế Thị Nương	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Thuý Diệu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	39	Lưu Thu Nga	7,00	Bảy
6	Lý Ích Du	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Nông Thị Ngoan	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Thùy Dung	7,50	Bảy phẩy năm	41	Trần Hồng Nguyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Mông Thùy Dung	8,00	Tám	42	Đinh Thị Ánh Nguyệt	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Lục Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Hoàng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
10	Phùng Văn Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Tô Minh Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Ma Kiên Duy	6,50	Sáu phẩy năm	45	Hoàng Bích Nhân	6,00	Sáu
12	Hoàng Văn Duy	7,00	Bảy	46	Nguyễn Thị Nhị	6,00	Sáu
13	Ngôn Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	47	Phan Thị Như	6,50	Sáu phẩy năm
14	Trương Văn Độ	7,50	Bảy phẩy năm	48	Đinh Thị Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Em	7,50	Bảy phẩy năm	49	Đinh Thị Ngọc Oanh	7,00	Bảy
16	Trịnh Thị Hào	7,00	Bảy	50	Hà Hoài Phương	7,00	Bảy
17	Nông Thị Bích Hằng	8,00	Tám	51	Phùng Thị Phương	6,50	Sáu phẩy năm
18	Lương Thị Hiền	7,00	Bảy	52	Ngọc Thị Minh Quyên	8,00	Tám
19	Liêu Văn Hiệp	7,00	Bảy	53	Nông Thanh Quyết	8,00	Tám
20	Đàm Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	54	Đàm Thị Quỳnh	8,00	Tám
21	Hoàng Thị Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	55	Đinh Phan Tuấn	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Hoàng Thị Hòa	8,00	Tám	56	Phan Sỹ Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Luong Văn Hoán	7,00	Bảy	57	Bé Văn Tuyên	6,25	Sáu phẩy hai năm
24	Bé Ích Hoàng	7,00	Bảy	58	Đỗ Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
25	Triệu Văn Hội	7,00	Bảy	59	Dương Văn Tường	7,50	Bảy phẩy năm
26	Nông Thị Thu Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nông Thị Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
27	Nông Văn Hợp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Hoàng Văn Thịnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Đinh Thị Thanh Kim Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Nguyễn Thị Thoa	7,00	Bảy
29	Vương Thị Huệ	8,00	Tám	63	Hà Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lê Thị Mỹ Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Phan Văn Thuận	7,00	Bảy
31	Dương Thị Hường	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Phan Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
32	Linh Quang Khương	6,50	Sáu phẩy năm	66	Nông Thị Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Thu Lê	7,00	Bảy	67	Trần Đức Xuân		Thôi học
34	Đinh Thị Lụa	7,00	Bảy	68	Lý Thị Yên	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 17 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 11 điểm; Điểm 8,00: 08 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa